TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07**/2022/ KDTM-ST
Ngày 31/8/2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân, ông Nguyễn Văn Vụ.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Bùi Thị Huyền Trang, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Linh Chi, Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 07/2022/TLST-KDTM ngày 16/3/2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên toà số 153/2022/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N. Địa chỉ: Số 02 đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh M; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh N; địa chỉ: 72 đường H, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Văn bản ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019), vắng mặt.

2. Ông Lê Hoài T; chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh N; địa chỉ: 72 đường H, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Văn bản ủy quyền số 01/2022/UQ ngày 20/4/2022), có mặt.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị Bích N. Địa chỉ: 172 đường T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Phước Đ. Địa chỉ: 172 đường T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/02/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 11/3/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:

Ngân hàng N đã ký các Hợp đồng tín dụng cho bà Hoàng Thị Bích N vay tổng cộng số tiền 3.600.000.000 đồng gồm:

1. Hợp đồng tín dụng số 4009-LAV-201700320 ngày 27/6/2017 (sau đây viết tắt là hợp đồng tín dụng số 4009.1), với số tiền vay: 1.000.000.000đồng. Lãi suất: 10,5%/năm; Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/một lần; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời hạn vay: 60 tháng ; Mục đích vay: Sửa chữa nhà ở, mua sắm vật dụng gia đình; Phương thức thanh toán: Nợ gốc được chia thành nhiều kỳ trả nợ và được trả theo bảng phân kỳ trả nợ đính kèm hoặc theo từng giấy nhận nợ tương ứng; Nợ lãi trả 03 tháng/lần.

2. Hợp đồng tín dụng số 4009-LAV-201900317 ngày 27/6/2019 (sau đây viết tắt là hợp đồng tín dụng số 4009.2), với số tiền vay: 2.600.000.000đồng. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng:

- Thời gian vay dưới 3 tháng: 8%/ năm.

- Thời gian vay từ trên 3 tháng: 8,5%/ năm.

- Thời gian vay từ trên 6 tháng: 9,5%/ năm.

Lãi suất cho vay được điều chỉnh ngày khi Agribank có thông báo thay đổi lãi suất cho vay; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày đầu tiên giải ngân cho đến ngày 26/6/2020; Mục đích vay: Kinh doanh mua bán mộc mỹ nghệ; Phương thức thanh toán: Nợ gốc được chia thành nhiều kỳ trả nợ và được trả theo bảng phân kỳ trả nợ đính kèm hoặc theo từng giấy nhận nợ tương ứng.

Agribank đã thực hiện giải ngân cho bà Hoàng Thị Bích N với 4 giấy nhận nợ, cụ thể:

+ Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm Giấy nhận nợ số 4009-LDS-201900550 ngày 10/7/2019, số tiền giải ngân : 500.000.000đồng. Thời hạn vay 10 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 10/5/2020 ; Lãi suất: 9,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngày 11/11/2020, số nợ vay chuyển sang nợ quá hạn.

+ Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm Giấy nhận nợ số 4009-LDS-201900550 ngày 07/01/2020, số tiền giải ngân : 800.000.000đồng. Thời hạn vay 10 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 07/11/2020 ; Lãi suất: 9,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngày 10/11/2020, số nợ vay chuyển sang nợ quá hạn.

+ Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm Giấy nhận nợ số 4009-LDS-202000013 ngày 08/01/2020, số tiền giải ngân : 700.000.000đồng. Thời hạn vay 10 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 08/11/2020 ; Lãi suất: 9,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngày 10/11/2020, số nợ vay chuyển sang nợ quá hạn.

+ Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm Giấy nhận nợ số 4009-LDS-202000017 ngày 09/01/2020, số tiền giải ngân : 600.000.000đồng. Thời hạn vay 10 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 08/11/2020 ; Lãi suất: 9,5%/năm; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngày 10/11/2020, số nợ vay chuyển sang nợ quá hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do bà Nguyệt vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên số nợ vay còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số 4009-LAV-201700320 ngày 27/6/2017 đã bị chuyển nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn từ ngày 29/12/2020, số nợ vay còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số 4009-LAV-201900317 ngày 27/6/2019 đã

bị chuyển nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn từ ngày 10/11/2020. Tính đến ngày 21/02/2022, bà Nguyệt còn nợ Agribank tổng số tiền: 2.937.096.690 đồng, trong đó nợ gốc là 2.350.000.000 đồng, tiền lãi là 587.096.690 đồng.

Tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại 172 đường T, phường P, thành phố H, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CC1866606, ngày 21/11/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho ông Lê Phước Đ và bà Hoàng Thị Bích N;

Tài sản trên được ông Đ và bà N thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay nói trên, theo hợp đồng thế chấp số 4009-LCL-201700223 ngày 26/6/2017; hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 23/11/2017 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03/7/2018, giữa ông Lê Phước Đ và bà Hoàng Thị Bích N với Ngân hàng N. Các hợp đồng đã được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Tính đến ngày 06/01/2020, bà Hoàng Thị Bích N đã thanh toán nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số 4009.1 với số tiền tổng cộng gồm 445.655.047 đồng, trong đó nợ gốc đã trả là 200.000.000 đồng, nợ lãi đã trả là 245.655.047 đồng. Từ sau ngày 06/01/2020 cho đến nay, bà N dừng thanh toán. Do bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên số nợ vay còn thiếu đã bị chuyển nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn từ ngày 29/12/2020.

Tính đến ngày 22/6/2021, bà Hoàng Thị Bích N đã thanh toán nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số 4009.2 với số tiền tổng cộng gồm 1.226.413.700 đồng, trong đó nợ gốc đã trả là 1.050.000.000 đồng, nợ lãi đã trả là 176.413.700 đồng. Từ sau ngày 22/6/2021 cho đến nay, bà N dừng thanh toán. Do bà Nguyệt vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên số nợ vay còn thiếu đã bị chuyển nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn từ ngày 10/11/2020.

Như vậy tính đến ngày 31/8/2022, bà N chỉ thanh toán nợ gốc và lãi của hai hợp đồng tín dụng với số tiền tổng cộng gồm 1.672.068.747 đồng, trong đó nợ gốc đã trả là 1.250.000.000 đồng, nợ lãi đã trả là 422.068.747 đồng.

Vì vậy, Agribank khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hoàng Thị Bích N phải trả số tiền nợ gốc 2.350.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 595.823.061 đồng, nợ lãi quá hạn 167.352.055 đồng, tổng cộng là 3.113.175.116 đồng. Đồng thời yêu cầu bà N phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 01/9/2022 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Agribank có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của ông Đ và bà N để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bà Hoàng Thị Bích N và ông Lê Phước Đ không đến Toà án để tham gia các hoạt động tố tụng, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho

đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quyền và nghĩa vụ của đương sự được bảo đảm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N: Buộc bà Hoàng Thị Bích N phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ cho Ngân hàng N tính đến ngày 31/8/2022 là 3.113.175.116 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 2.350.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 595.823.061 đồng, nợ lãi quá hạn 167.352.055 đồng).

- Trường hợp bà N không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng thế chấp đã ký.

- Về án phí: Bà N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng N khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là bà Hoàng Thị Bích N, có địa chỉ tại: 172 đường T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập đối với bà Hoàng Thị Bích N, ông Lê Phước Đ nhưng các đương sự này không đến làm việc. Tại biên bản xác minh ngày 26/4/2022 thể hiện bà Hoàng Thị Bích N, ông Lê Phước Đ đã bỏ đi, không có mặt tại nơi cư trú; bà N và ông Đ cũng không có thông báo nơi cư trú mới cho Agribank theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên trường hợp này được xem cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Tòa án đã tiến hành thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ và căn cứ và các tài liệu chứng cứ thu thập được để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu đòi nợ của Agribank, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo các Hợp đồng tín dụng số 4009-LAV-201700320 ngày 27/6/2017, Hợp đồng tín dụng số 4009-LAV-201900317 ngày 27/6/2019 và các Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm Giấy nhận nợ vào các ngày 10/7/2019, 07/01/2020, 08/01/2020 và 09/01/2020 thì Agribank đã cho bà Hoàng Thị Bích N vay với tổng số tiền là 3.600.000.000đồng. Nội dung các hợp đồng này là phù hợp với quy định pháp luật

và có hiệu lực. Sau khi vay, bà Hoàng Thị Bích N chỉ trả được tổng cộng 1.672.068.747 đồng, trong đó nợ gốc đã trả là 1.250.000.000 đồng, nợ lãi đã trả là 422.068.747 đồng. Tính đến ngày 31/8/2022, bà Hoàng Thị Bích N còn nợ Agribank số tiền gốc 2.350.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 595.823.061 đồng, nợ lãi quá hạn 167.352.055 đồng, tổng cộng là 3.113.175.116 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 4009-LAV-201700320 là 800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 222.967.580 đồng, nợ lãi quá hạn là 37.670.548 đồng. Tổng cộng là 1.060.638.128 đồng.

- Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 4009-LAV-201900317 là 1.550.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 372.855.481 đồng, nợ lãi quá hạn là 129.681.507 đồng. Tổng cộng là 2.052.536.988 đồng.

Như vậy, bà Hoàng Thị Bích N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự và thỏa thuận của các bên tại điểm 2 Điều 4 của các Hợp đồng tín dụng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Agribank, buộc bà Hoàng Thị Bích N phải thanh toán số tiền còn nợ nói trên cho Agribank.

Do đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên Hội đồng xét xử cần căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, buộc bà Nguyệt tiếp tục trả lãi, lãi phát sinh trên số tiền nợ còn lại, theo mức lãi suất hai bên đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, kể từ ngày 01/9/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[2.3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 400-LCL-20170223 ngày 26/6/2017, hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 23/11/2017 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03/7/2018, được ký kết giữa Agribank và ông Đ bà N nhằm đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bà N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên có hiệu lực thi hành.

Theo cam kết của hợp đồng thế chấp thì nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với Agribank. Do đó, trong trường hợp bà N không thực hiện nghĩa vụ trả các khoản tiền trên, thì Agribank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại 172 Trần Phú, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG186606, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 21/11/2017 cho ông Lê Phước Đ bà Hoàng Thị Bích N, để thu hồi nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không thanh toán hết khoản nợ trên thì bà Hoàng Thị Bích N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định. Nguyên đơn đã nộp đủ.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bà Hoàng Thị Bích N phải chịu án phí sơ thẩm gồm: 94.263.502 đồng [72.000.000 đồng + (3.113.175.116 đồng – 2.000.000.000 đồng) x 2%) = 94.263.502 đồng].

- Agribank không phải chịu án phí tranh chấp kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 282, Điều 299, Điều 317, Điều 323, Điều 351, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng N.

Buộc bà Hoàng Thị Bích N phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng N số tiền gồm 3.113.175.116 đồng, trong đó: nợ gốc là 2.350.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 595.823.061 đồng, nợ lãi quá hạn là 167.352.055 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Hoàng Thị Bích N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trong trường hợp bà Hoàng Thị Bích N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng N, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại 172 đường T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG186606, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 21/11/2017 cho ông Lê Phước Đ bà Hoàng Thị Bích N theo hợp đồng thế chấp số 4009-LCL-201700223 ngày 26/6/2017; hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 23/11/2017 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 03/7/2018, để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không thanh toán hết khoản nợ trên thì bà Hoàng Thị Bích N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho ngân hàng.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định. Nguyên đơn đã nộp đủ.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bà Hoàng Thị Bích Nguyệt phải chịu án phí tranh chấp kinh doanh thương mại sơ thẩm gồm 94.263.502 đồng.

- Ngân hàng N không phải chịu án phí tranh chấp kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm 45.370.000

đồng theo biên lai thu tiền số 0001042 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TTHuế;*
- *VKSND thành phố Huế;*
- *Chi cục Thi hành án TP Huế;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu dán.*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế